

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 253/2021/HC-PT

Ngày: 25/11/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đình Lực;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn X Điền;

Ông Phạm Việt Hà.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Nhiễm, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 25 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm, công khai, vụ án thụ lý số: 370/2019/TLPT-HC ngày 16 tháng 12 năm 2019, về việc khởi kiện: “Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 48/2019/HC-ST ngày 28/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 9496/2021/QĐPT ngày 05 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Ngô Huy Q, sinh năm 1960; Địa chỉ: Số 19 phố N, tổ 15, phường Q, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. (có mặt)

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; địa chỉ: Số 12 phố Lê Lai, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Chu Ngọc A, chức vụ: Chủ tịch; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trọng Đ, chức vụ: Phó Chủ tịch. (vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hà Đông. Người đại diện theo pháp luật: Bà Cán Thị Việt H, chức vụ: Chủ tịch. (vắng mặt)

3.2. Ông Ngô Huy Tr; địa chỉ: Tổ dân phố số 9, đường Y, phường Đ, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. (vắng mặt)

3.3. Bà Trần Thị A, sinh năm 1934; địa chỉ: Số 19, phố N, tổ 15, phường Q, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội; (đã chết năm 2020); Người kế thừa quyền và

nghĩa vụ: Ông Ngô Huy Q, sinh năm 1960; Địa chỉ: Số 19 phố N, tổ 15, phường Q, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.(có mặt)

3.4. Bà Đỗ Thị B, sinh năm 1927; địa chỉ: Tổ dân phố số 9, đường Y, phường Đ, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội; (đã chết năm 2020); Người kế thừa quyền và nghĩa vụ: Chị Ngô Thị X, sinh năm 1964. Địa chỉ: Xóm 1, thôn Đ, xã Đ, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.(vắng mặt); Người bảo vệ quyền lợi cho chị X, đồng thời được chị X ủy quyền: Anh Nguyễn Ngọc Đức, Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Nguyễn Ngọc Đức – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.(có mặt)

4. Người kháng cáo: Ông Ngô Huy Q; Bà Trần Thị A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Người khởi kiện là ông Ngô Huy Q trình bày và yêu cầu: Nguồn gốc nhà đất theo hồ sơ đo đạc hiện trạng năm 2013, diện tích là 703,4m² tại tổ 9 phường Đ là của bố mẹ ông là Ngô Huy Nh (liệt sỹ năm 1961) và vợ là Trần Thị A từ năm 1947, ông con duy nhất hưởng thừa kế. Năm 1958, bố mẹ ông làm 01 ngôi nhà gỗ xây gạch và công trình khác, ông trồng cây lấy gỗ; năm 1998, ông sửa chữa 05 gian nhà và xây tường bao; năm 2004, ông làm 05 gian nhà gỗ xây gạch và công trình khác như hiện nay; hàng năm ông đều đóng thuế nhà đất. Khi ông làm đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất(GCNQSDĐ), quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, có xem xét ranh giới với hộ liền kề là ông Ngô Huy Tr, thì Chủ tịch UBND quận Hà Đông ban hành Quyết định số 4738/QĐ-UBND, ngày 07/6/2016, về việc giải quyết tranh chấp đất đai có nội dung đơn của ông, về việc đề nghị cơ quan chức năng buộc ông Ngô Huy Tr trả lại cho ông diện tích 42,5m², thuộc thửa số 382, tờ bản đồ đo đạc năm 1944, tại tổ dân phố 9, phường Đ, mà ông Tr đã lấn chiếm là không có cơ sở giải quyết. Không đồng ý với quyết định trên, ông đã khiếu nại lên Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội. Ngày 04/8/2017, Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 5230/QĐ-UBND, với nội dung đồng ý với Quyết định số 4738/QĐ-UBND, ngày 07/6/2016, của Chủ tịch UBND quận Hà Đông. Ban đầu, theo đơn khởi kiện ngày 04/6/2018 và ngày 05/6/2018, ông khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định 5230/QĐ-UBND, ngày 04/8/2017, của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội; khởi kiện bổ sung tại bản tự khai ngày 14/12/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 26/11/2018 là yêu cầu xác định rõ góc cạnh ranh giới giáp với thửa đất của ông Ngô Huy Tr, tuyên không có ngõ ở phía Bắc của gia đình ông; đồng thời buộc cơ quan có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất cho ông theo đúng đo đạc hiện trạng năm 2013 của UBND quận Hà Đông. Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông là trích lục bản đồ năm 1944, trên đất có tài sản do bố mẹ ông và ông xây dựng, các hóa đơn do ông nộp tiền thuế nhà đất, nhà đất là nơi thờ cúng liệt sỹ Ngô Huy Nh, sơ đồ thửa đất của ông Tr lập ngày 21/11/2011 và các biên bản ngày 07/10/2013, ngày 10/4/2014, ngày 27/12/2018 đều không thể hiện có ngõ. Các căn cứ ông đưa

ra để yêu cầu hủy Quyết định 5230/QĐ-UBND, ngày 04/8/2017, của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội là: Quyết định ban hành ngày 04/8/2017, nhưng đến ngày 25/8/2017 ông mới nhận được là vi phạm thời hạn quy định tại Khoản 1 Điều 41 Luật khiếu nại 2011, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của ông; Trang 2, mục III, quyết định thể hiện ngày 10/02/2015 ông đề nghị kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, nhưng thực tế đề nghị này của ông không được xem xét mà lại giải quyết tranh chấp đất đai; Quyết định nêu UBND phường, UBND quận và Sở tài nguyên và môi trường đều không lưu giữ được bản chính bản đồ 1944, mà chỉ lưu giữ được bản phôtô là không đúng, vì nếu là bản phôtô thì làm sao UBND phường lại sao lục cấp cho Tòa án và các hộ dân khác tại địa phương, mà ông đã nộp để chứng minh và tại Báo cáo số 1954/BC-STNMT, ngày 14/6/2014, Sở tài nguyên và môi trường báo cáo UBND thành phố, về việc UBND phường Đ báo cáo hiện UBND phường lưu giữ bản đồ 1944. Tờ bản đồ này có chữ ký của cơ quan đo vẽ, nhưng quyết định lại nêu là mảnh bản đồ 1944 không thể hiện chữ ký của cơ quan đo vẽ tại thời điểm lập bản đồ; Bản đồ qua các thời kỳ đều không thể hiện giữa 2 nhà có ngõ; Hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Tr không có ngõ đi; Bản ảnh chụp năm 2008 do ông nộp thể hiện vẫn là bờ ao đất, nhưng quyết định 5230 lại thể hiện là ngõ đi đổ bê tông từ 1992; Xác định sai nguồn gốc đất, vì bố mẹ ông và ông sử dụng thửa đất này từ năm 1947 đến nay, nhưng quyết định 5230 lại thể hiện không có hệ thống sổ sách mục kê kèm theo, nên không xác định được chủ sử dụng đất tại thời điểm lập bản đồ. Bố mẹ ông sử dụng, sở hữu từ năm 1947, làm nhà năm 1958, ông trồng cây lấy gỗ năm 1987, năm 1998 ông sửa nhà và xây tường bao, nhưng quyết định lại nêu năm 2004 ông Q cùng mẹ là bà A (có hộ khẩu ở phường Q – trong khi mẹ ông có hộ khẩu ở phường Đ) về xây nhà trên đất để sử dụng là không đúng sự thật; Biên bản ngày 12/11/2010 là văn bản được thỏa thuận trên cơ sở tự do, tự nguyện cam kết, không ép buộc, không trái đạo đức xã hội có hiệu lực ngay, nhưng quyết định lại nêu là không phải biên bản hòa giải thành; Biên bản đo đạc lập ngày 07/10/2013 do cơ quan có thẩm quyền lập, người sử dụng đất liền kề công nhận mà quyết định lại nói là không có cơ sở công nhận; Bản đồ 1992 và 1997 lập không đúng diện tích, không đúng thực trạng sử dụng, không có tờ khai, người sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất là ông, nhưng không được thông báo khi đo đạc nên sai chủ sử dụng đất. Ông đề nghị xem xét xác định chủ sử dụng đất.

2. *Quan điểm của người bị kiện là Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội thể hiện tại Văn bản số 3428 ngày 27/7/2018 như sau:* Sau khi trình bày nguồn gốc, quá trình sử dụng diện tích đất tranh chấp, hồ sơ quản lý đất đai lưu tại UBND phường Đ, quá trình giải quyết của UBND phường Đ, quá trình giải quyết của UBND quận Hà Đông, quá trình giải quyết khiếu nại lần đầu của UBND thành phố Hà Nội, việc giải quyết lại của UBND quận Hà Đông theo chỉ đạo của UBND thành phố, quá trình giải quyết khiếu nại lần 2 của UBND thành phố Hà Nội. Căn cứ quy định của Luật Đất đai, Luật Khiếu nại và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; kết quả xác minh nội dung khiếu nại và kết luận, kiến nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại các Báo cáo số 2805/BC-STNMT-TTr ngày

21/12/2016, số 886/BC-STNMT-TTr ngày 17/5/2017; kiến nghị của Thanh tra Thành phố tại Văn bản số 2494/TTTP(Pl) ngày 25/7/2017, Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 5230/QĐ-UBND ngày 04/8/2017, về việc giải quyết khiếu nại của ông Ngô Huy Q, trong đó kết luận nội dung khiếu nại của ông Ngô Huy Q là không có cơ sở để xem xét, giải quyết và đồng ý với việc giải quyết tranh chấp đất đai của Chủ tịch UBND quận Hà Đông tại Quyết định số 4738/QĐ-UBND ngày 07/6/2016. Trên cơ sở nội dung báo cáo, đề xuất của Sở Tài nguyên và Môi trường tại văn bản số 1086/STNMT-TTr ngày 12/7/2018, về việc tổng hợp tài liệu chứng cứ và đề xuất quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Huy Q, Chủ tịch UBND Thành phố có ý kiến như sau: Diện tích đất tại tổ dân phố 9, phường Đ, quận Hà Đông có nguồn gốc của cụ Ngô Huy Ch sử dụng từ trước năm 1950 để lại; vợ chồng cụ Ch chết không có di chúc hoặc giấy tờ gì khác để lại phân chia thừa đất cho các con. Cụ Ch có 06 người con gồm: Ông Ngô Huy Nh (bố đẻ ông Ngô Huy Q), ông Ngô Huy T (chồng bà Đỗ Thị B), ông Ngô Minh D, bà Ngô Thị S, bà Ngô Thị H và bà Ngô Thị T. Nay ông Nh, ông T, ông D, bà S, bà H và bà T đều đã chết. Hiện tại diện tích đất tại tổ dân phố 9, phường Đ, quận Hà Đông của cụ Ch để lại do bà Đỗ Thị B (vợ ông Ngô Huy T) và ông Ngô Huy Q (con trai ông Nh) sử dụng. Thừa đất hiện ông Ngô Huy Tr đang sử dụng có nguồn gốc là của cụ Ngô Huy C (bố ông Tr) để lại cho các con. Năm 1994 cụ Ch chết, ông Tr tiếp quản sử dụng cho đến nay. Hiện trạng sử dụng đất: Giữa gia đình ông Ngô Huy Q và gia đình ông Ngô Huy Tr có ranh giới, tường xây bao quanh rõ ràng với diện tích ngõ đi chung, hiện tại diện tích đất ngõ đi do gia đình ông Tr sử dụng. Quá trình giải quyết, ông Ngô Huy Q cho rằng thừa đất do cha ông để lại, nhưng không cung cấp được các giấy tờ của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về giao, thừa kê, cho tặng quyền sử dụng thừa đất tại tổ dân phố 9, phường Đ, quận Hà Đông. Việc ông Ngô Huy Q căn cứ theo hình thể của thửa đất số 381 và 382, tờ bản đồ lập năm 1944 cho rằng ông Ngô Huy Tr lấn chiếm 42,5m² đất để sử dụng. Tuy nhiên, tờ bản đồ lập năm 1944 (bản sao) do UBND phường Đ và ông Ngô Huy Q cung cấp chỉ thể hiện hình thể của các thửa đất số 381, 382, nhưng không có sổ sách quản lý đất đai kèm theo thể hiện số liệu, về diện tích đất và tên chủ sử dụng đất của các thửa đất đó. Trong quá trình giải quyết việc ông Ngô Huy Q khiếu nại Quyết định số 3101/QĐ-UBND, ngày 20/5/2014, của UBND quận Hà Đông, Sở Tài nguyên và Môi trường đã yêu cầu Trung tâm Công nghệ Thông tin Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tiến hành tra cứu, tìm hồ sơ lưu trữ quản lý, sử dụng đất thuộc xã Đ, huyện Thanh Oai (nay là phường Đ, quận Hà Đông) qua các thời kỳ trước năm 1960 nhưng không tìm thấy hồ sơ, tài liệu qua các thời kỳ trước năm 1960. Mặt khác, trong quá trình UBND quận Hà Đông thực hiện giải quyết lại việc tranh chấp đất giữa ông Ngô Huy Q và ông Ngô Huy Tr tại tổ dân phố số 9, phường Đ; Phòng Tài nguyên và Môi trường quận Hà Đông đã làm việc với Tòa án nhân dân quận Hà Đông về tính pháp lý của tờ bản đồ năm 1944 do Tòa án cung cấp cho ông Ngô Huy Q. Tòa án nhân dân quận Hà Đông xác nhận: "...Trong quá trình giải quyết vụ án, thực hiện công tác thu thập chứng cứ tài liệu tại UBND xã Đ (nay là phường Đ) cung cấp, trong đó có tờ bản đồ (phô tô) được Chủ tịch xã Đ ký xác nhận và đóng

dấu đỏ ghi: (ngày 21/3/2008 sao bản đồ 1944 thửa 381, 382); Khi thực hiện cung cấp hồ sơ tài liệu cho đương sự theo quy định của Luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Hà Đông sao chụp và đối chiếu tài liệu có trong hồ sơ vụ án để cung cấp cho Ông Q...”. Từ kết quả kiểm tra, làm rõ về nguồn gốc, tính pháp lý của tờ bản đồ phôtô đo đạc năm 1944, ngày 07/6/2016, Chủ tịch UBND quận Hà Đông ban hành Quyết định số 4738/QĐ-UBND giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Ngô Huy Q và ông Ngô Huy Tr ở tổ dân phố số 9, phường Đ, quận Hà Đông. UBND phường Đ, UBND quận Hà Đông hiện không lưu được bản gốc của tờ bản đồ đo đạc năm 1944; đồng thời Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên Môi trường (thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội) tiến hành tra cứu, tìm hồ sơ lưu trữ quản lý, sử dụng đất thuộc xã Đ, huyện Thanh Oai (nay là phường Đ, quận Hà Đông) qua các thời kỳ trước năm 1960 nhưng không tìm thấy hồ sơ, tài liệu qua các thời kỳ trước năm 1960 nên không có căn cứ, cơ sở để đối chiếu, xác định được tính chính xác của mảnh bản đồ sao chụp lại năm 1944 do ông Q cung cấp. Mặt khác, trên mảnh bản đồ không thể hiện diện tích, không có chữ ký của cơ quan đo vẽ tại thời điểm lập bản đồ và không có sổ sách kèm theo, nên không xác định được chủ sử dụng đất tại thời điểm lập bản đồ. Vì vậy, mảnh bản đồ này chỉ là tài liệu mang tính kỹ thuật và có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo. Như vậy, việc ông Ngô Huy Q căn cứ vào bản trích sao một phần thông tin tờ bản đồ đo đạc năm 1944 (không có sổ sách kèm theo), đề nghị cơ quan chức năng giải quyết buộc ông Tr trả lại diện tích đất cho gia đình ông là không có cơ sở xem xét, giải quyết. Qua kiểm tra, rà soát lại toàn bộ quá trình giải quyết tranh chấp đất đai và giải quyết khiếu nại liên quan đến tranh chấp đất đai của ông Ngô Huy Q, Chủ tịch UBND Thành phố không có ý kiến khác với nội dung đã giải quyết tại Quyết định số 5230/QĐ-UBND ngày 04/8/2017.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chủ tịch UBND quận Hà Đông trình bày và có quan điểm: Ông Ngô Huy Q có đơn đề nghị giải quyết tranh chấp phần ngõ đi, có diện tích 42,5m², với ông Ngô Huy Tr, với nội dung: “Theo bản đồ năm 1944, thửa đất số 381, 382, diện tích là 699,2m² tại tổ dân phố 9, phường Đ, quận Hà Đông (bản đồ đo đạc năm 1997 là thửa đất số 225) có nguồn gốc là của gia đình liệt sỹ Ngô Huy Nh (bố ông Q) để lại, giáp với thửa đất số 378 (bản đồ đo đạc năm 1997 là thửa đất số 215) của gia đình ông Tr đang sử dụng. Trong quá trình sử dụng, ông Q cho rằng ông Tr đã lấn chiếm 42,5m² đất để làm ngõ đi và làm vườn. Ông Q đề nghị UBND quận Hà Đông giải quyết buộc gia đình ông Tr trả lại diện tích đất trên cho gia đình ông Q”. Sau khi tiếp nhận đơn của ông Ngô Huy Q, UBND quận Hà Đông giao phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm tra, xác minh, hoàn chỉnh hồ sơ trình Chủ tịch UBND quận ban hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai. Căn cứ Điều 203 Luật đất đai năm 2013, Điều 89 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, Quyết định số 03/2012/QĐ-UBND ngày 12/7/2012 của UBND quận Hà Đông, về việc ban hành quy chế làm việc của UBND quận Hà Đông, Thông báo số 121/TB-UBND ngày 26/4/2016 của UBND quận Hà Đông, về việc phân công nhiệm vụ chỉ đạo,

điều hành của các thành viên UBND quận Hà Đông nhiệm kỳ 2011-2016, ngày 07/6/2016, Phó Chủ tịch Cán Thị Việt H đã thay mặt Chủ tịch UBND quận Hà Đông ký Quyết định số 4738/QĐ-UBND, về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Ngô Huy Q với gia đình ông Ngô Huy Tr tại tổ dân phố 9, phường Đ, quận Hà Đông. Trong quá trình xác minh giải quyết đơn, ngày 02/12/2015, UBND quận Hà Đông có Văn bản số 2319/UBND-TNMT, xin ý kiến Sở Tài nguyên và Môi trường về việc giải quyết đơn của ông Ngô Huy Q. Ngày 22/12/2015, UBND quận Hà Đông có Báo cáo số 361/BC-UBND, về tình hình giải quyết đơn của ông Ngô Huy Q. Ngày 09/7/2018, UBND quận Hà Đông có Văn bản số 1714/UBND-TNMT, về việc giải quyết hồ sơ đăng ký đất đai, cấp GCNQSDĐ, QSHNO và TSKGLVĐ đối với ông Ngô Huy Q. Như vậy, căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành, quy chế làm việc của UBND quận Hà Đông, Phó Chủ tịch Cán Thị Việt H ký Quyết định số 4738/QĐ-UBND ngày 07/6/2016, về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Ngô Huy Q với gia đình ông Ngô Huy Tr là đảm bảo tính đúng đắn, hợp pháp về hình thức, nội dung, thẩm quyền, thời hiệu, trình tự, thủ tục quy định.

3.2. Ông Ngô Huy Tr trình bày và có quan điểm: Ông nội ông sinh được 3 người con là Ngô Huy Ch (ông nội của ông Q), Ngô Huy T và Ngô Huy C (bố của ông). Hai mảnh đất của gia đình ông và gia đình ông Q có ngõ đi chung từ thời các cụ để lại. Năm 1992, ông và ông Q đã thông nhất đổ bê tông ngõ và xây tường bao. Năm 2004, ông Q về tranh giành đất với bà B là thím ruột của ông Q để xây 05 gian nhà nhìn ra đường cái liên thôn, mở ngõ đi mới và đòi ông chia ngõ đi cũ nhưng gia đình ông không chấp nhận. Ông đề nghị Tòa án giữ nguyên Quyết định số 5230.

3.3. Bà Đỗ Thị B trình bày và có quan điểm: Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Q, vì nhà đất là của các cụ sinh ra chồng bà để lại. Phần đất ngõ đang tranh chấp là lỗi đi chung của các nhà. Từ khi bà lấy chồng về đây thì đã sử dụng ngõ đi chung mà ông Q đang tranh chấp. Vì lý do sức khỏe bà đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt bà.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 48/2019/HC-ST ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, đã quyết định: Căn cứ vào Điều 6, Khoản 1 Điều 30, Khoản 4 Điều 32, Điểm a Khoản 3 Điều 116, Điều 191, Điểm a Khoản 2 Điều 193, Điều 371 Luật Tổ tụng hành chính 2015; Căn cứ Luật Đất đai 2013; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ; Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Huy Q, về việc hủy Quyết định số 5230/QĐ-UBND ngày 04/8/2017 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc giải quyết khiếu nại của ông Ngô Huy Q. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/6/2019 ông Ngô Huy Q, ngày 19/6/2019 bà Trần Thị A kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị hủy bản án sơ thẩm, bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Ngô Huy Q giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội; Chủ tịch UBND quận Hà Đông đều vắng mặt.

Người bảo vệ quyền lợi cho chị X, đồng thời được chị X ủy quyền, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan: Về tố tụng quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về hướng giải quyết vụ án, sau khi phân tích nội dung vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Bác kháng cáo của ông Ngô Huy Q và giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 48/2019/HC-ST ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính; Người bị kiện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt đã được triệu tập. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 255 Luật Tố tụng hành chính, xét xử vắng mặt theo quy định.

[2]. Về đối tượng, thời hiệu, thẩm quyền khởi kiện: Ngày 04/6/2018, ông Q khởi kiện Quyết định số 5230/QĐ-UBND ngày 04/8/2017 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội, đây là quyết định giải quyết tranh chấp đất đai lần 2, có nội dung giữ nguyên nội dung Quyết định số 4738/QĐ-UBND ngày 07/6/2016 của Chủ tịch UBND quận Hà Đông, về giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Ngô Huy Q và ông Ngô Huy Tr nên là quyết định hành chính bị kiện. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điểm a Khoản 3 Điều 203, Điều 204 Luật Đất đai 2013; Điều 90a Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2015, được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ. Khoản 2, khoản 4 Điều 3, khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu, thẩm quyền, thụ lý giải quyết vụ án là có căn cứ.

[3]. Yêu cầu khởi kiện bổ sung: Quá trình giải quyết, ông Q đề nghị xác định rõ góc cạnh ranh giới giáp với thửa đất của ông Ngô Huy Tr, tuyên không có ngõ ở phía Bắc của gia đình ông Q; buộc cơ quan có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ, QSHNO và TSKGLVĐ đối với ông Ngô Huy Q theo đúng đo đạc hiện trạng năm

2013 của UBND quận Hà Đông. Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là tranh chấp dân sự, không phải khiếu kiện hành chính, không thuộc phạm vi giải quyết của vụ án, yêu cầu bổ sung vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, nên căn cứ Điều 173 Luật Tố tụng hành chính không chấp nhận việc bổ sung yêu cầu của ông Q là có căn cứ.

[4]. Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành các quyết định bị khởi kiện: Quyết định số 5230/QĐ-UBND ngày 04/8/2017 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội là Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2; Quyết định số 4738/QĐ-UBND ngày 07/6/2016 của Chủ tịch UBND quận Hà Đông, về giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Ngô Huy Q và ông Ngô Huy Tr. Được ban hành theo trình tự, thủ tục, thẩm quyền đảm bảo đúng theo các quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật Đất đai năm 2003; Luật Đất đai năm 2013; Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ; Luật Khiếu nại; Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND thành phố Hà Nội; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ về quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

[5]. Về căn cứ ban hành các quyết định bị khởi kiện:

[5.1]. Thửa đất số 225, tờ bản đồ số 05 đo đạc năm 1997, diện tích 580m² tại Tổ dân phố 9, phường Đ có nguồn gốc là của cụ Ngô Huy Ch (ông nội ông Q) để lại. Cụ Ch sinh được 06 người con gồm: Ông Ngô Huy Nh (bố ông Q, hy sinh năm 1961), ông Ngô Huy T (chồng bà Đỗ Thị B, chết năm 1972), ông Ngô Minh D (liệt sỹ), bà Ngô Thị S, Ngô Thị H và bà Ngô Thị T. Đến nay cả 06 ông, bà trên đều đã chết. Lúc còn sống, cụ Ch không phân chia và lúc chết không để lại di chúc phân chia thửa đất trên cho ai, bà B và ông Q cùng sử dụng thửa đất này. Theo bản đồ năm 1992 thể hiện, thửa đất số 33 diện tích 518m², thửa 32 diện tích 488m², giữa 02 thửa không thể hiện có ngõ đi, chỉ có ngõ đi từ đường qua thửa 33 và thửa 32, kết thúc ở cạnh giáp với thửa 27. Theo sổ mục kê năm 1992 thể hiện, chủ sử dụng thửa 33 là Đỗ Thị B, chủ sử dụng thửa số 32 là Ngô Huy Chí. Theo bản đồ năm 1997 thể hiện, thửa đất số 33 nay là thửa số 225 diện tích 580m² (tăng 62m²), thửa 32 diện tích 488m² đã được gộp với thửa 27 diện tích 639m² + thửa 17 diện tích 359m² + thửa số 16 diện tích 203m² thành thửa số 215 diện tích 1874m² (tăng 185m²), giữa 02 thửa không thể hiện có ngõ đi, chỉ có ngõ đi từ đường qua thửa 225 vào thửa 215. Theo năm 1997 thể hiện, chủ sử dụng thửa 225 là Ngô Huy T (theo báo cáo của UBND phường Đ việc kê khai tên Ngô Huy T là do ai sót trong khi vào tên chủ sử dụng đất), chủ sử dụng thửa 215 là Ngô Huy Tr.

[5.2]. Năm 2005, phát sinh tranh chấp quyền sử dụng thửa đất trên giữa bà Đỗ Thị B và ông Ngô Huy Q tại Tòa án. Trong thời gian giải quyết vụ án, ông Ngô Huy Q có đơn đề nghị UBND quận Hà Đông, cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất trên. Ngày 26/5/2009, UBND quận Hà Đông có Văn bản số 619/UBND-TNMT, trả lời đơn nội dung: Do thửa đất đang có tranh chấp giữa bà B và ông Q, nên đề nghị cấp cấp GCNQSDĐ của ông Q chưa giải quyết được. Ngày 10/11/2009, Tòa án nhân dân quận Hà Đông ban hành Quyết định số 03/2009/QĐST-DS, về việc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự: “Chia tài sản chung” giữa bà B với ông Q vì: “chưa có đủ điều kiện khởi kiện theo quy định”. Sau khi có Quyết định đình chỉ số

03/2009/QĐST-DS ngày 10/11/2009 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, ngày 20/12/2011, ông Q lại có đơn đề nghị UBND quận Hà Đông cấp GCNQSDĐ thửa đất trên. Ngày 21/12/2011, UBND quận Hà Đông đã tiến hành kiểm tra hiện trạng sử dụng đất, công trình xây dựng trên đất, thấy vẫn có việc bà B đang sinh sống trên thửa đất này, bà B tiếp tục có đơn đề nghị phân chia đất đai, nên UBND quận Hà Đông có các Văn bản số 89/UBND-TNMT ngày 18/01/2012, số 483/UBND-TNMT ngày 06/4/2012 trả lời đơn của ông Q là: Việc ông Q đề nghị cấp GCNQSDĐ, đối với thửa đất trên là không giải quyết được, vì thửa đất vẫn đang có tranh chấp. Không đồng ý, ông Q khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố hành vi hành chính của UBND quận Hà Đông, về việc không thực hiện cấp GCNQSDĐ cho gia đình ông Q, đối với thửa đất trên là trái pháp luật, buộc UBND quận Hà Đông phải thực hiện việc cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu tài sản gắn liền với thửa đất 225 cho ông Q, yêu cầu xem xét trách nhiệm của người đứng đầu UBND quận, trong việc không thực hiện nhiệm vụ được giao. Tại Bản án số 03/2012/HCST ngày 24/9/2012, Tòa án nhân dân quận Hà Đông đã xử bác toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của ông Q. Tuy nhiên, ông Q không nhất trí với nội dung Bản án trên và có đơn kháng cáo. Ngày 28/3/2013, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã ban hành Bản án số 19/2013/HCPT, với nhận định: Tòa án nhân dân quận Hà Đông đã đình chỉ giải quyết vụ án dân sự mà bà Đỗ Thị B khởi kiện, với lý do chưa đủ điều kiện khởi kiện, chứ không thuộc trường hợp hòa giải thành hoặc chấm dứt tranh chấp. Yêu cầu của ông Ngô Huy Q đề nghị cấp GCNQSDĐ chưa đảm bảo điều kiện quy định tại Điều 50 khoản 1 Luật Đất đai và Điều 14 khoản 1 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ. Vì thế, UBND quận Hà Đông không làm thủ tục cấp GCNQSDĐ theo đề nghị của ông Ngô Huy Q, với lý do là đất đang có tranh chấp là đúng. Ông Ngô Huy Q khởi kiện là không có cơ sở, nên đã bác yêu cầu khởi kiện của ông Q. Bà Đỗ Thị B tiếp tục có đơn gửi Tòa án, yêu cầu chia tài sản tại thửa đất số 225, tờ bản đồ số 5, diện tích 580m². Ngày 15/4/2016, Tòa án nhân dân quận Hà Đông ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 04/2016/DSST, do bà B không cung cấp được các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện. Không đồng ý, bà B kháng cáo. Ngày 28/7/2016, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội có Quyết định phúc thẩm số 127/2016/QĐDS-PT, hủy quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 04/2016/DSST ngày 15/4/2016, để giải quyết lại. Sau khi thụ lý lại, ngày 29/8/2016, Tòa án nhân dân quận Hà Đông có Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 17/2016/QĐDS-ST do bà B rút đơn khởi kiện. Không đồng ý, ông Q kháng cáo. Ngày 30/11/2016, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội có Quyết định phúc thẩm số 211/2016/QĐPT-DS bác kháng cáo của ông Q, giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 17/2016/QĐDS-ST ngày 29/8/2016. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của ông Q về hành vi của cơ quan có thẩm quyền, không thực hiện cấp GCNQSDĐ, sở hữu nhà đất tại tổ 9, phường Đ cho ông đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật, đã xác định thửa đất đang có tranh chấp, chưa xác định được chủ sử dụng, chủ sở hữu do còn có bà B là người sinh sống tại nhà đất này từ trước đến nay, nên yêu cầu khởi kiện của ông Q không được chấp nhận. Do vậy, cấp sơ thẩm xác định để được cấp GCNQSDĐ, ông Q cần phải khởi kiện

vụ án dân sự để xác định quyền sử dụng đối với thửa đất này. Sau khi có phán quyết của Tòa án có hiệu lực pháp luật, xác định ông Q là chủ sử dụng đất và thửa đất không còn tranh chấp với ai, ông Q mới có quyền đề nghị cấp GCNQSDĐ là có căn cứ.

[5.3]. Ông Q tiếp tục có đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ, trong thời gian tranh chấp dân sự giữa bà B với ông Q, vẫn đang được Tòa án giải quyết. Ngày 12/6/2013, UBND phường Đ có giấy mời ông Q đến để giải quyết. Tại biên bản hội nghị ngày 15/6/2013, Hội đồng tư vấn giải quyết tranh chấp đất đai phường Đ, kết luận: Nguồn gốc đất theo ông Tr và mọi người trong dòng tộc, thì hai thửa đất của hai gia đình có ngõ đi chung; ngõ đi chung năm 1990 có thống nhất thì mới đổ bê tông và xây dựng tường bao xung quanh. Theo ông Q, thửa đất gia đình ông sử dụng theo bản đồ 1944 do ông cha để lại không thống nhất (thỏa thuận nào); thực tế nhà ông Tr lấn sang nhà ông Q; ông Q đề nghị ông Tr trả lại đất theo bản đồ 1944 để gia đình xin cấp GCNQSDĐ. Ngày 16/7/2013, ông Q có đơn đề nghị UBND quận Hà Đông, làm rõ việc ông Tr lấn chiếm 42,5m² đất ở của gia đình, đề nghị gia đình ông Tr trả lại diện tích đất trên. Ngày 07/8/2013, UBND phường Đ tổ chức hội nghị giải quyết đơn thư lần thứ 8 của ông Q, đề nghị làm rõ việc lấn chiếm đất ở, yêu cầu gia đình ông Tr chấm dứt hành vi lấn chiếm, trả lại khoảng 42,5m² đất ở. Ngày 07/10/2013, UBND quận Hà Đông tổ chức kiểm tra hiện trạng sử dụng đất, công trình xây dựng trên đất, có nội dung đo đạc xác định diện tích đất ngõ hiện ông Tr đang sử dụng, nhưng ông Q cho rằng, ông Tr lấn chiếm theo bản đồ 1944 do ông Q dẫn đạc chỉ mốc giới; riêng phần diện tích đất ngõ, ông Q cho rằng ông Tr lấn chiếm, thì ông Tr không thống nhất, vì phần đất ngõ này là ngõ đi chung của hai gia đình do các cụ từ xưa để lại; nền đất ngõ là bê tông, có 2 tường 2 bên ngõ. Hồ sơ kỹ thuật thửa đất kèm theo biên bản thể hiện: Diện tích hiện trạng ông Q đang sử dụng là 656,7m², được giới hạn bởi các điểm (1.2.12.13.14.15.16.17.18.5.6.7.8.9.10.11), diện tích đất ông Q cho rằng, ông Tr lấn chiếm có diện tích là 46,7m² được giới hạn bởi các điểm (2.3.4.5.18.17.16.15.14.13.12); tổng diện tích ông Q dẫn đạc chỉ mốc giới theo bản đồ 1944 là 703,4m². Căn cứ Quyết định số 5230 kết luận: Việc ông Q đề nghị công nhận kết quả đo đạc diện tích 703,4m², trong đó có diện tích 46,7m² đất tranh chấp, theo dẫn đạc của ông Q tại Biên bản kiểm tra hiện trạng sử dụng đất, công trình xây dựng trên đất đề ngày 07/10/2013, là không đủ cơ sở để công nhận là có căn cứ, vì: biên bản do cơ quan có thẩm quyền lập, có chữ ký của người sử dụng đất liền kề, nhưng nội dung là đo đạc theo hình thể của bản đồ 1944 do ông Q dẫn đạc, để xác định diện tích đất đang có tranh chấp với ông Tr, mà ông Q cho rằng ông Tr lấn chiếm. Bản đồ 1944 không có số đo các cạnh, không có diện tích thửa, thửa đất ông Q đang sử dụng trước đây là 2 thửa, không có căn cứ nào để xác định số đo các cạnh, diện tích toàn thửa, hình thể thửa đất do ông Q dẫn đạc là đúng với bản đồ 1944. Ông Q cho rằng, biên bản này do cơ quan có thẩm quyền lập, người sử dụng đất liền kề công nhận đủ cơ sở để công nhận là không có căn cứ. Ngày 27/11/2013, UBND quận Hà Đông có Văn bản số 2063/UBND-TNMT, trả lời đơn của ông Q nội dung: Việc ông Q cho rằng ông Tr lấn chiếm 42,5m² đất của

gia đình ông, đề nghị ông Tr trả lại phần diện tích đất trên là chưa có cơ sở, vì theo bản đồ đo đạc năm 1944 (do ông Q cung cấp), không thể hiện tên người sử dụng đất, không thể hiện diện tích đất, do đó, không có cơ sở để xác định diện tích đất thiếu là do ông Tr lấn chiếm. Ngoài ra, thửa đất số 225, hiện bà B và ông Q đang cùng sử dụng và đang có tranh chấp. Do đó, chưa có cơ sở để xác định diện tích đất cụ thể thuộc quyền sử dụng của ông Q hay bà B. Tuy nhiên, ông Q không nhất trí với nội dung trả lời của UBND quận Hà Đông tại Văn bản số 2063/UBND-TNMT ngày 27/11/2013, có đơn khiếu nại. Ngày 10/4/2014, UBND quận Hà Đông đã lập Biên bản xác minh giải quyết đơn và có Báo cáo số 419/BC-TNMT ngày 26/4/2014, đề nghị UBND quận ban hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai. Chủ tịch UBND quận Hà Đông đã ban hành Quyết định số 3101/QĐ-UBND ngày 20/5/2014, giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Q với ông Tr, Quyết định số 3165/QĐ-UBND ngày 23/5/2014 đính chính Quyết định số 3101/QĐ-UBND. Nội dung thể hiện: Việc ông Q đòi quyền sử dụng 46,7m² hiện ông Tr đang sử dụng làm ngõ đi là không có cơ sở, không giải quyết được. Sau khi có Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 3101/QĐ-UBND ngày 20/5/2014 của Chủ tịch UBND quận Hà Đông, ông Q không nhất trí, có đơn khiếu nại lên UBND thành phố Hà Nội. Ngày 18/6/2014, UBND thành phố có Văn bản số 4371/UBND-BTCD giao Sở Tài nguyên & Môi trường xác minh, kết luận đơn của ông Q khiếu nại Quyết định số 3101/QĐ-UBND ngày 20/5/2014 của Chủ tịch UBND quận Hà Đông. Ngày 16/10/2014, Sở Tài nguyên & Môi trường có Báo cáo số 1954/BC-STNMT-TTr, nội dung: Trong quá trình giải quyết, UBND quận Hà Đông đã xác minh, việc UBND phường Đ lưu giữ bản đồ lập năm 1944 là tờ bản đồ chụp lại, nhưng UBND quận Hà Đông không làm rõ, kết luận về nguồn gốc, tính pháp lý của tờ bản đồ chụp lại đang lưu giữ tại UBND phường Đ theo quy định; UBND quận Hà Đông chưa thực hiện công tác hòa giải tranh chấp đất đai theo quy định; Hội đồng tư vấn đất đai UBND phường Đ chưa thực hiện đầy đủ theo quy định. Từ kết luận trên, đề nghị UBND thành phố ban hành văn bản chỉ đạo: Giao UBND quận Hà Đông thu hồi, hủy Quyết định 3101/QĐ-UBND ngày 20/5/2014 của Chủ tịch UBND quận Hà Đông để xem xét, giải quyết lại, trả lời theo quy định của pháp luật đất đai. Ngày 11/02/2015, Chủ tịch UBND quận Hà Đông ban hành Quyết định số 540/QĐ-UBND, về việc thu hồi, hủy Quyết định số 3101/QĐ-UBND ngày 20/5/2014 và Quyết định số 3165/QĐ-UBND ngày 23/5/2014, về việc đính chính Quyết định số 3101/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND quận Hà Đông. Đồng thời UBND quận Hà Đông đã có Văn bản số 333/UBND-VP ngày 27/02/2015, giao UBND phường Đ phối hợp với Phòng tài nguyên và môi trường kiểm tra, rà soát, giải quyết lại vụ việc theo quy định của pháp luật. Ngày 06/1/2016, Sở tài nguyên và môi trường có văn bản số 14/STNMT-TTr, gửi UBND quận Hà Đông hướng dẫn: Mảnh bản đồ đo vẽ lập năm 1944 tỷ lệ 1/1000 gồm 427 thửa, được thành lập bằng phương pháp thủ công, lưu trữ ở dạng giấy và được sao chụp lại, có độ biến dạng lớn nên độ chính xác thấp. Theo báo cáo của UBND quận Hà Đông, hiện nay các cơ quan quản lý không lưu giữ mảnh bản đồ đo vẽ lập năm 1944, mà chỉ có duy nhất mảnh bản đồ photo được lưu giữ tại UBND phường Đ. Mảnh bản đồ chỉ thể hiện hình thể

các thửa đất, không có đầy đủ thông tin, hệ thống sổ sách mục kê kèm theo, mảnh bản đồ đo vẽ lập năm 1944 chỉ là tài liệu mang tính kỹ thuật, do đó, chỉ có thể được sử dụng làm tài liệu để tham khảo, trong quá trình xem xét nguồn gốc sử dụng đất hoặc để giải quyết tranh chấp đất đai. Ngày 27/4/2015, Hội đồng Hòa giải tranh chấp đất đai phường Đ, tổ chức buổi làm việc gồm các thành viên Hội đồng, có mời các cụ cao tuổi sinh sống tại tổ dân phố số 9, phường Đ và ông Tr, ông Q dự họp để làm rõ về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất đối với thửa đất do ông Tr và ông Q đang sử dụng, thống nhất kết luận: Mảnh đất ông Ch để lại, ông Q đề nghị giải quyết tranh chấp với ông Tr, lý do ông Ch chết không để lại giấy tờ gì, chưa khẳng định được và không phân chia sử dụng đất đối với thửa đất đó, nên không giải quyết được. Việc ông Q khẳng định, ông Tr lấn chiếm đất theo đơn đề nghị là không có cơ sở giải quyết, vì: Bản đồ 1944, ông Q đưa ra không thể hiện chủ sử dụng đất, phường khẳng định bản đồ đó chỉ để tham khảo. Việc ông Q đề nghị giải quyết tranh chấp ngõ đi với ông Tr là không có cơ sở, vì tại Hội nghị các cụ cao tuổi, trong họ và một số ý kiến khác khẳng định là ngõ đi chung, diện tích 108,4m², trong đó có 39,9m² ông Q cho rằng ông Tr lấn chiếm là không đúng, thực tế ông Tr vẫn đang sử dụng toàn bộ diện tích đất ngõ đi. Ngày 28/4/2016, Phòng tài nguyên và môi trường quận Hà Đông có Văn bản số 377/TNMT, đề nghị cho ý kiến về tài liệu bản đồ năm 1944, do Tòa án nhân dân quận Hà Đông cung cấp cho ông Q. Ngày 04/5/2016, Tòa án nhân dân quận Hà Đông có Văn bản số 65/VC-TA, xác nhận: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Hà Đông thu thập tài liệu chứng cứ tại UBND xã Đ (nay là phường Đông Mai), trong tài liệu cung cấp của UBND xã Đ có mảnh bản đồ (phô tô), được Chủ tịch xã Đ ký xác nhận và đóng dấu đỏ ghi: “Ngày 21/3/2008 sao bản đồ 1944 thửa 381, 382”. Do đó, khi ông Q đề nghị được sao chụp hồ sơ, tài liệu theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân quận Hà Đông sao chụp và đối chiếu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, để cung cấp cho đương sự”. Ngày 07/6/2016, Chủ tịch UBND quận Hà Đông có Quyết định số 4738/QĐ-UBND, giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa gia đình ông Q với gia đình ông Tr, có nội dung: Việc ông Q có đơn cho rằng ông Tr lấn chiếm 42,5m², thuộc thửa đất số 382, tờ bản đồ đo đạc năm 1944 và đề nghị cơ quan chức năng giải quyết, buộc ông Tr trả lại diện tích đất trên cho gia đình ông là không có cơ sở xem xét giải quyết. Ông Q không đồng ý, có đơn khiếu nại. Ngày 04/8/2017, Chủ tịch UBND thành phố có Quyết định số 5230/QĐ-UBND, về việc giải quyết khiếu nại của ông Ngô Huy Q, nội dung: Đồng ý với Quyết định số 4728/QĐ-UBND ngày 07/6/2016 của Chủ tịch UBND quận Hà Đông.

[5.4]. Việc ông Q yêu cầu tranh chấp đất đai theo hình thức của thửa đất, thể hiện trên tờ bản đồ từ năm 1944, tuy nhiên, từ năm 1944 đến nay đã có nhiều lần lập bản đồ địa chính, có sự tăng diện tích của thửa đất ông đang quản lý, sử dụng sau mỗi lần đo đạc, có cả sự thỏa thuận giữa ông và ông Tr vào năm 2010, sự hình thành ngõ đi giữa 2 thửa trên thực tế, trong khi các bản đồ đều không thể hiện phần ngõ đi này như Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định thì cũng không có cơ sở để xác định kích thước, diện tích đất ông cho rằng ông Tr lấn chiếm, vì tờ bản đồ 1944

không có diện tích, không có số đo các cạnh, không có sổ sách địa chính kèm theo thể hiện ông hay bố của ông là chủ sử dụng đất. Trong hồ sơ có mảnh bản đồ 1944, được UBND xã Đ sao ngày 21/3/2008, 01 trích lục bản đồ 1944 ngày 16/5/2008 và tờ bản đồ đo vẽ năm 1944 phôtô đều do ông Q giao nộp. Đối với mảnh bản đồ có chữ “Sao bản đồ 1944...” của UBND xã Đ ngày 21/3/2008, không có cơ sở để xác định là được sao y bản chính. Báo cáo số 1954/BC-STNMT ngày 14/6/2014, Sở tài nguyên và môi trường báo cáo UBND thành phố, không khẳng định việc UBND phường Đ đang lưu giữ bản gốc. Ngày 16/5/2008, UBND phường Đ cấp trích lục bản đồ năm 1944, cũng không có cơ sở khẳng định được trích từ bản đồ gốc. Tờ bản đồ phôtô thể hiện được lập bằng tiếng Pháp, không có chữ ký và con dấu của cơ quan, người có thẩm quyền. Do đó, không có cơ sở để xác định hiện tồn tại 01 bản đồ 1944 bản gốc/bản chính có chữ ký của cơ quan đo vẽ như lời khai của ông Q.

[5.5]. Biên bản ngày 12/11/2010, có chữ ký của ông Q và ông Tr, về việc thống nhất xác định ranh giới giữa 2 thửa đất theo tờ bản đồ năm 1944, đo vẽ cụ thể kích thước các cạnh giáp ranh, có xác nhận của các hộ liền kề năm 2007. Tuy nhiên, ông Q không giao nộp cho Tòa án tài liệu đo vẽ cụ thể kích thước các cạnh giáp ranh, có xác nhận của các hộ liền kề năm 2007. Biên bản không có hiệu lực pháp lý để thi hành, mặc dù ông Q cho rằng văn bản được lập ghi nhận thỏa thuận trên cơ sở tự do, tự nguyện cam kết, không ép buộc, không trái đạo đức xã hội, nhưng không có hiệu lực bắt buộc thi hành, nên người ký biên bản có thể thực hiện hoặc không thực hiện, tùy vào ý chí của người đó.

[5.6]. Ông Q không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh nguồn gốc nhà đất, trong khi UBND phường Đ có xác nhận nguồn gốc đất đúng là của ông nội ông Q để lại, nhưng ông chưa có giấy tờ, tài liệu chứng minh bố của ông hay ông có quyền thừa kế đất đó, như văn bản khai nhận thừa kế, bản án có hiệu lực pháp luật giải quyết về chia thừa kế hoặc chia tài sản chung để xác định là chủ sử dụng thửa đất đang tranh chấp, ngoài một số biên lai nộp thuế nhà đất từ năm 1993 (truy thu năm 2005) đến năm 2008. Sổ mục kê năm 1992 và 1997, thể hiện thửa đất số 33 hay 225 đều đứng tên người khác. Sổ mà ông Q khai là nhật ký của bà A thể hiện việc xây nhà năm 1958, các giấy xác nhận về việc ông Q bán 02 cây xoan không phải là giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.

[5.7]. Căn cứ Luật Đất đai năm 2013; Luật Khiếu nại 2011; Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 2003; Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 5230/QĐ-UBND ngày 04/8/2017, về việc giải quyết khiếu nại của ông Ngô Huy Q; Chủ tịch UBND quận Hà Đông ban hành Quyết định số 4728/QĐ-UBND ngày 07/6/2017, về việc giải quyết tranh chấp đất đai của ông Q và ông Tr là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6]. Từ năm 2014 đến năm 2016, ông Q có 40 Đơn đề nghị, đơn khiếu nại về việc giải quyết tranh chấp đất, buộc ông Tr trả lại đất lấn chiếm, cấp GCNQSDĐ cho ông. Theo Biên bản hòa giải ngày 24/7/2015 của UBND phường Đ, Công văn số 333/UBND-VP ngày 27/02/2015 của UBND quận Hà Đông, thể hiện UBND phường Đ hòa giải, Chủ tịch UBND quận Hà Đông giải quyết tranh chấp đất đai là theo Đơn đề nghị lần 27 ngày 13/02/2015 của ông Ngô Huy Q, với yêu cầu: “ngay lập tức làm các thủ tục ra quyết định yêu cầu ông Tr trả lại đất lấn chiếm, để cho tôi thực hiện quyền được đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...”. Như vậy, yêu cầu của ông Q là giải quyết tranh chấp đất đai với ông Tr, không phải là yêu cầu được cấp GCNQSDĐ. Quyết định số 4738/QĐ-UBND ngày 07/6/2016 của Chủ tịch UBND quận Hà Đông, giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Q và ông Tr là đúng nội dung. Yêu cầu của ông Q đòi ông Tr trả lại phần diện tích đất hiện trạng là ngô đi, do gia đình ông Tr đang sử dụng không được chấp nhận, nếu không còn tranh chấp nào khác với bà B hay một ai khác, ông Q có thể đề nghị cấp GCNQSDĐ, đối với phần diện tích trong khuôn viên tường bao như hiện nay.

[7]. Yêu cầu của ông Q đề nghị xem xét xác định chủ sử dụng đất, ý kiến của ông Q đưa ra về việc bản đồ 1992 và bản đồ 1997 lập không đúng diện tích, không đúng thực trạng sử dụng, không có tờ khai, người sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất là ông, nhưng không được thông báo khi đo đạc, nên sai chủ sử dụng đất không thuộc phạm vi giải quyết của vụ án.

[8]. Bản đồ qua các thời kỳ đều không thể hiện giữa 2 nhà có ngõ; hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Tr không có ngõ đi, nhưng thực tế đã được UBND phường kiểm tra, Tòa án xem xét tại chỗ thì giữa 02 thửa đất đã hình thành ngõ đi, 02 bên ngõ là tường rào bao quanh của 2 thửa, nên cho dù là ngõ đi bằng đất hay ngõ đi bê tông thì không ảnh hưởng đến hiện trạng thực tế có ngõ đi. Còn việc ngõ đi chung của những ai hay ngõ đi riêng, nếu các bên không thỏa thuận được có quyền khởi kiện tranh chấp diện tích đất ngõ đi, bằng một vụ án dân sự, nếu có yêu cầu.

[9]. Với những căn cứ phân tích nêu trên, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội Bác yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Huy Q, về việc hủy Quyết định 5230/QĐ-UBND ngày 04/8/2017 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội, Quyết định số 4728/QĐ-UBND ngày 07/6/2016 của Chủ tịch UBND quận Hà Đông là có căn cứ, đúng pháp luật. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Huy Q và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị A (ông Q), cấp phúc thẩm bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[10]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Xét thấy, các căn cứ và lập luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11]. Về án phí: Ông Ngô Huy Q kháng cáo không được chấp nhận, phải nộp án phí hành chính phúc thẩm theo quy định. Thời điểm kháng cáo, bà Trần Thị A có đơn xin miễn án phí, nên miễn án phí phúc thẩm cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà A là ông Q.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

1. Bác yêu cầu kháng cáo của ông Ngô Huy Q, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị A là ông Ngô Huy Q.

2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 48/2019/HC-ST ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

3. Về án phí: Ông Ngô Huy Q phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm. Đối trừ số tiền ông Ngô Huy Q đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí, theo Biên lai thu số 0013540 ngày 09/7/2019 của Cục Thi hành án Dân sự thành phố Hà Nội. (ông Q đã nộp đủ)

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Các Đương sự;
- Lưu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Đình Lực